

Số: 33/2018/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 13 tháng 02 năm
2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ yêu cầu về Hôn nhân gia đình thụ lý số
46/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2018 giữa:

Người yêu cầu:

Anh A, sinh năm 1985

Chị B, sinh năm 1987

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh F.

Cùng chỗ ở hiện tại: Phòng 1108 tầng 11, nhà B, chung cư 789, tổ
11 G, phường H, quận J, Thành phố K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố
tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và
gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải
thành ngày 05 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi
trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05
tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm
của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh A và chị B.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh A và chị B có hai con chung là: cháu N, sinh ngày 27/12/2012 và cháu M, sinh ngày 12/4/2015. A, B cùng thống nhất sau khi ly hôn A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N; B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Về việc cấp dưỡng nuôi con, A B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

A, B có quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị B tự nguyện chịu cả **300.000 (Ba trăm nghìn) đồng** Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí B đã nộp theo biên lai số AK/2010/0007578 ngày 31/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. B đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ vụ án

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM
TỪ LIÊM**

Thẩm phán